

Bản án số: 420/2017/HSST

Ngày: 14/12/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh
2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Trần Hải Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 577/2017/HSST ngày
25/10/2017, đối với bị cáo:

Võ Đình T, giới tính: nam; sinh năm: 1970 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi đăng
ký thường trú: 176 đường A, Phường a, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; chỗ
ở: 75 đường B, khu phố b, phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ
học vấn: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con A1 (chết) và A2; hoàn cảnh gia
đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 09/12/1995, bị Công an huyện Q bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt
tài sản XHCN”, “Trộm cắp tài sản công dân”. Ngày 06/8/1998, bị Tòa án nhân
dân huyện Q (quận Q) xử 24 tháng tù (Theo bản án số 118/HS-ST ngày
25/6/1996)

- Ngày 24/02/2017, bị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh
ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam về tội “Lừa đảo
chiếm đoạt tài sản”. Do Võ Đình T bỏ trốn nên ngày 02/5/2017 bị Phòng PC52
CATP Hồ Chí Minh bắt theo Quyết định truy nã ngày 12/4/2017 của Cơ quan
cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam: 02/5/2017 (Có mặt)

Người bị hại:

Bà Phan Thanh T, sinh năm 1956

Nơi đăng ký thường trú: 341/35S Đường C , Phường c , Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bào chữa:

Luật sư Trịnh Bá Thân, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo.(có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Võ Đình T bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Võ Đình T quen biết bà Phan Thanh T (sinh năm: 1956; thường trú: 341/35S Đường C , Phường d, Quận S; tạm trú: 490/49/30 Đường D, phường L, quận P) từ khoảng tháng 4/2015 do hai người thường xuyên đến nhà bà B1 để xem bói. Trong thời gian này, Võ Đình T biết bà Phan Thanh T đang có nhu cầu xuất cảnh sang Hoa Kỳ thăm người thân và chữa bệnh nên Võ Đình T nói dối với bà Phan Thanh T có bạn bè làm ở Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh có thể lo được bà Phan Thanh T xuất cảnh. Chi phí làm thủ tục lo xuất cảnh đi Hoa Kỳ là 16.000 USD, bà Phan Thanh T tin tưởng Võ Đình T làm được nên đồng ý.

Thực hiện thỏa thuận trên, từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016 bà Phan Thanh T đã nhiều lần đưa tiền cho Võ Đình T với tổng số tiền 365 triệu đồng (tương đương 16.000 USD). Việc đưa tiền cho Võ Đình T, lúc bà Phan Thanh T đưa tiền Việt Nam, lúc bà Phan Thanh T đưa tiền USD. Khi đưa tiền cho Võ Đình T, bà Phan Thanh T không yêu cầu Võ Đình T viết giấy biên nhận cũng như không có người làm chứng. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 12/2015 do Võ Đình T có việc bận ở nước ngoài nên đã nhờ NLQ4 (sinh năm 1988; thường trú: 533/34 đường E, Phường e, Quận X; hành nghề lái xe taxi Uber) đến nhà bà B1 gặp bà Phan Thanh T và nhận giúp Võ Đình T số tiền 95 triệu đồng (hai bên tự thỏa thuận miệng là 4.000 USD) có bà B1 làm chứng.

Sau khi nhận số tiền trên, Võ Đình T đã lên mạng internet đăng ký mua hồ sơ thông qua Công ty môi giới dịch vụ trên đường G, Quận Y (hiện Võ Đình T không nhớ địa chỉ) và mang về đưa cho bà Phan Thanh T để khai thông tin lý lịch và nguyện vọng di sang Hoa Kỳ (Hồ sơ gồm 04 tờ giấy). Ngoài ra, Võ Đình T còn yêu cầu bà Phan Thanh T cung B1 bản sao y công chứng số hộ khẩu, hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân, giấy xác nhận độc thân, ảnh màu 4 x 6 cm của bà Phan Thanh T. Sau khi viết xong hồ sơ, bà Phan Thanh T đưa lại cho Võ Đình T, nhưng Võ Đình T không nộp cho Sở Di Trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh mà tự hủy bỏ hồ sơ này. Sau đó, để bà Phan Thanh T tin tưởng, Võ Đình T nhiều lần dẫn bà Phan Thanh T đến Tòa nhà M, số 38 đường H, Quận Y

và giới thiệu đây là địa điểm hoạt động của Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh (bà Phan Thanh T chỉ đứng ngoài xem mà không vào bên trong).

Để chiếm đoạt thêm tiền của bà Phan Thanh T khoảng đầu tháng 4/2016, Võ Đình T nói dối bà Phan Thanh T hiện hồ sơ di dân của bà Phan Thanh T do NLQ5 (Nhân viên Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh) tiếp nhận thụ lý và yêu cầu bà Phan Thanh T phải mở tài khoản cá nhân rồi nộp vào số tiền 500.000.000 đồng thì mới được cấp visa nhập cảnh Hoa Kỳ, tin lời Võ Đình T nên bà Phan Thanh T đồng ý.

Để có tiền nộp vào tài khoản theo yêu cầu của Võ Đình T, ngày 26/4/2016 Võ Đình T giới thiệu bà Phan Thanh T vay tiền của bà NLQ6 (sinh năm 1970; thường trú: 77 đường I, KP b, phường L, quận P; là hàng xóm của Võ Đình T) số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thế chấp sổ hồng căn nhà số 490/49/30 Đường D, phường N, quận P do bà Phan Thanh T đứng tên, nhưng hai bên ký hợp đồng công chứng giả cách đặt cọc mua bán nhà tại Phòng Công chứng số 7. Sau khi nhận được tiền, Võ Đình T dẫn bà Phan Thanh T đến Phòng Giao dịch An Lạc – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Sài Gòn (địa chỉ: 150 -152 đường O, Khu phố m, phường L, quận P) và làm giúp bà Phan Thanh T hồ sơ mở tài khoản số 0501000105891) do bà Phan Thanh T đứng tên. Sau khi nhận giấy biên nhận của Ngân hàng hẹn đến 07/5/2016 sẽ đến nhận thẻ ATM, bà Phan Thanh T đã đưa cho Võ Đình T số tiền 200.000.000 triệu đồng (không có biên nhận) để nộp vào tài khoản này, nhưng Võ Đình T không làm thủ tục nộp tiền vào tài khoản của bà Phan Thanh T mà làm thủ tục nộp tiền vào số tiền vào số tài khoản 0071000926626 do Võ Đình T đứng tên mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (bà Phan Thanh T không biết). Giấy biên nhận nộp tiền của Ngân hàng, Võ Đình T nói phải cung cấp cho Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh nên giữ lại và đưa bản phô tô cho bà Phan Thanh T sau, bà Phan Thanh T đồng ý. Sau đó, Võ Đình T đã nhiều lần rút số tiền 200.000.000 đồng trên để tiêu xài cá nhân.

Ngày 03/6/2016, Thông qua giới thiệu của Võ Đình T, bà Phan Thanh T có thỏa thuận vay của NLQ7 (sinh năm 1970; thường trú: 758 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận), NLQ8 (sinh năm 1988; thường trú: 202/36 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10), NLQ9 (chưa rõ lai lịch) số tiền 650.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, bà Phan Thanh T thế chấp sổ hồng căn nhà số 341/35S Đường C, Phường d, Quận S do bà Phan Thanh T đứng tên. Tuy nhiên, bà Phan Thanh T và NLQ7 ký hợp đồng công chứng mua bán nhà, tại Văn phòng Công chứng Quận 12. Võ Đình T không quen biết NLQ7, NLQ8, NLQ9, do Võ Đình T thấy số điện thoại dán ngoài đường với nội dung cho vay tiền thế chấp nên đã lưu lại và liên lạc để giúp bà Phan Thanh T vay tiền; mục đích của Võ Đình T là chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng còn lại mà bà Phan Thanh T sẽ đưa cho Võ Đình T để nộp vào tài khoản của bà Phan Thanh T. Sau khi nhận được tiền vay từ bà NLQ7, bà Phan Thanh T mang về trả số tiền 300.000.000 đồng cho NLQ6 và hủy bỏ hợp đồng công chứng đặt cọc mua bán nhà ngày 26/4/2016. Sau đó, tại nhà của Võ Đình T, bà Phan Thanh T

đã đưa cho Võ Đình T số tiền 300.000.000 đồng (không có biên nhận) để Võ Đình T mang đi nộp vào tài khoản 0501000105891 của bà Phan Thanh T cho đủ số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, Võ Đình T không nộp vào tài khoản bà Phan Thanh T mà chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân.

Khoảng vài ngày sau, do bà Phan Thanh T yêu cầu phải giao các giấy biên nhận xác nhận đã nộp đủ số tiền 500.000.000 đồng trên vào tài khoản của bà Phan Thanh T nên Võ Đình T đã đưa cho bà Phan Thanh T 01 bản phô tô giấy nộp tiền giả số 260416.DL72.0061 có ghi thông tin xác nhận Võ Đình T nộp số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản 0501000105891 của bà Phan Thanh T ngày 26/4/2016 và 01 bản phô tô giấy nộp tiền giả số 060616.DL72.0014 có ghi thông tin xác nhận A10 nộp số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản 0501000105891 của bà Phan Thanh T ngày 06/6/2016, hai bản phô tô giả này đều có hình dấu với nội dung “Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi Nhánh Bắc Sài Gòn – Đã thu tiền – Received”. Mộc dấu vuông này là do Võ Đình T tự đặt làm bên ngoài, còn giấy nộp tiền Võ Đình T đến Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Sài Gòn lấy và tự điền vào thông tin như trên vào và đưa cho nhân viên Ngân hàng nhập mã số “Invoice” thì giao lại cho Võ Đình T để mang đến quầy thu tiền làm thủ tục nộp tiền nhưng Võ Đình T không nộp mà mang giấy biên nhận về nhà rồi tự đóng mộc dấu vuông vào. Sau đó, Võ Đình T phô tô lại để mang đưa cho bà Phan Thanh T, còn bản chính Võ Đình T hủy bỏ nhưng Võ Đình T nói dối bà Phan Thanh T là bản chính phải nộp cho Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài số tiền 500.000.000 đồng trên, Võ Đình T còn nhiều lần nói bà Phan Thanh T đưa thêm tiền cho Võ Đình T để làm chi phí xuất cảnh sang Hoa Kỳ, cụ thể:

Ngày 19/4/2017, tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh bà Phan Thanh T đã nộp tiền mặt 20.000.000 đồng vào tài khoản 0071000926626 do Võ Đình T đứng tên (Không ghi nội dung nộp)

Ngày 25/5/2016, tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh V, bà Phan Thanh T đã nộp tiền mặt 30.000.000 đồng vào tài khoản số 0071000926626 do Võ Đình T đứng tên (không ghi nội dung nộp).

Cơ quan điều tra đã xác định Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh không có ai là NLQ5 như lời khai của Võ Đình T và Sở Di trú Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh không nhận bất kỳ hồ sơ xin xuất cảnh sang Hoa Kỳ thăm thân nhân mang tên Phan Thanh T.

Theo Cáo trạng số 407/CT-VKS-P2 ngày 23/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Võ Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo chỉ thừa nhận hành vi như cáo trạng là chiếm đoạt của bà Phan Thanh T 8000 USD tương đương 175.000.000 đồng

Người bị hại trình bày: Yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.265.000.000 đồng

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất của vụ án, nêu lên những tình tiết, giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Võ Đình T 12 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phần dân sự và xử lý vật chứng vụ án theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh; đề nghị xem xét tình tiết định khung hình phạt do bị cáo chỉ xác nhận chiếm đoạt của người bị hại 8.000 USD tương đương 175.000.000 đồng, đối với số tiền hơn 500.000.000 đồng có mâu thuẫn giữa lời khai của bà Phan Thanh T và bị cáo, bị cáo đã xác định làm theo bà Phan Thanh T và không chiếm đoạt số tiền này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 139 xử bị cáo dưới mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quan điểm luận tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội, tuy nhiên xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như: lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản lấy lời khai, vật chứng thu được, lời khai của người bị hại, ... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án đúng như bản Cáo trạng truy tố. Bị cáo Võ Đình T đã có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, nên phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Người bị hại khai nhận từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016 đã đưa cho Võ Đình T nhiều lần với tổng số tiền là 9.550.000.000 đồng, tuy nhiên đối với số tiền 310.000.000 đồng không có chứng cứ khác chứng minh bà Phan Thanh T đã bị bị cáo chiếm đoạt. Vì vậy, chỉ có căn cứ xác định bị cáo đã chiếm đoạt của bà Phan Thanh T số 645.000.000 đồng (trong đó 500.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt bằng cách gửi vào tài khoản ngân hàng do bị cáo đứng tên, 95.000.000 do ông NLQ4 là người nhận thay đã xác nhận, 30.000.000 đồng và 20.000.000 đồng Võ Đình T đã yêu cầu bà Phan Thanh T nộp vào tài khoản ngân hàng), nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên”. Đây là tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan nhà nước và lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an.

Bị cáo thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà Phan Thanh T nhiều lần nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ: bản Bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần tiền để khắc phục thiệt hại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Tuy nhiên, xét về nhân thân, tính chất, mức độ phạm và vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra mới đủ sức răn đe và giáo dục chung cho toàn xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.265.000.000 đồng Tuy nhiên, chỉ có căn cứ xác định bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 645.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phan Thanh T số tiền 645.000.000 đồng, do bị cáo đã nộp lại số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản kho bạc Quận T để khắc phục thiệt hại cho bà Phan Thanh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà Phan Thanh T số tiền 345.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Con dấu màu đỏ, kích thước 2,2 x 5,8 cm, có nội dung “Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Bắc Sài Gòn – đã thu tiền - *Received* là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.(Biên bản giao nhận tang tài vật số 58/18 ngày 17/11/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Đình T** phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Võ Đình T** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017.

2. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Phan Thanh T số tiền 645.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng) khấu trừ số tiền 300.000.000 đồng (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản kho bạc Nhà nước Quận T số 3949.0.9059779 ngày 09/11/2016, bị cáo nộp để bồi thường cho bà Phan Thanh T), bị cáo tiếp tục bồi

thường cho bà Phan Thanh T số tiền 345.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

Con dấu màu đỏ, kích thước 2,2 x 5,8 cm, có nội dung “Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Bắc Sài Gòn – đã thu tiền - *Received*

Biên bản giao nhận tang tài vật số 58/18 ngày 17/11/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

4. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 29.800.000 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chưa thanh toán số tiền như quyết định ở trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP. HCM (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- Cục THA DS TP.HCM; (1)
- THA HS; (2)
- Trại tạm giam; (4)
- Bị cáo; (2)
- Phòng PC53 - CA Tp. HCM; (2)
- Luật sư; (1)
- Đại diện người bị hại (1)
- Sở Tư pháp; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (24)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam

